



ANH XUÂN TRƯỜNG

CẦN THAY ĐỔI TƯ DUY VỀ CHÍNH SÁCH KIỂU HỐI

TS. NGUYỄN NGỌC THAO

Vào khoảng giữa những năm 1980 của thế kỷ 20, với những thay đổi căn bản trong chính sách về kiều hối, cùng với thực trạng kinh tế - xã hội của đất nước giai đoạn này, Việt Nam đã bắt đầu tiếp nhận một lượng lớn dòng ngoại tệ từ kiều bào ở nước ngoài, phần đông là những người Việt Nam đã định cư tại nhiều nước sau 2 cuộc chiến tranh. Nguồn kiều hối này chính thức được thống kê, theo dõi, công bố vào đầu thập niên 90.

Từ khi thực hiện công cuộc đổi mới đến nay, nhất là từ khi Mỹ bỏ cấm vận đối với Việt Nam năm 1994, người Việt Nam ra nước ngoài với nhiều mục đích khác nhau tăng nên trong những năm cuối thập niên 90 của thế kỷ trước và trong khoảng 15 năm gần đây, khái niệm này đã được mở rộng

bao gồm tất cả các khoản tiền gửi từ nước ngoài về cho các cá nhân ở Việt Nam. Các khoản đó bao gồm tiền gửi từ những người lao động, kết hôn, làm ăn, học tập và làm việc ở nước ngoài, từ người di cư, cá nhân mua hàng hóa, từ việc đầu tư cá nhân trên thị trường chứng khoán, mua cổ phiếu, mua nhà đất, gửi ngân hàng thương mại, mua lại doanh nghiệp, mở khách sạn hay nhà hàng.... Trong những năm gần đây, các khoản chuyển tiền cá nhân từ nước ngoài về trong nước đa dạng về loại hình, phong phú về mục đích, không ngừng tăng lên về số lượng và mở rộng về quy mô. Phương thức chuyển tiền về cũng rất đa dạng, qua NHTM, qua các công ty kiều hối, mang tiền mặt trực tiếp về nước hay gửi qua người quen, chuyển tiền không

chính thức qua tư nhân,...; thậm chí là thực hiện phương thức "bù trừ" qua các đại lý tư nhân, hay bù trừ trực tiếp. Cụ thể là, gia đình trong nước có con em đi du học, có người thân đi chữa bệnh, thậm chí là mua hàng hóa, đầu tư ở nước ngoài, chỉ cần nộp tiền Việt Nam cho đại lý trong nước tương ứng với số tiền cần chuyển, sau đó cung cấp thông tin tài khoản, thông tin người nhận,... sẽ có người ở nước ngoài nộp tiền hay chuyển tiền ngoại tệ vào tài khoản, thậm chí giao nhận tiền mặt ở nước ngoài. Ngược lại, người thân trong nước là đối tượng được nhận tiền chuyển về sẽ được nhận trực tiếp ngoại tệ hay số tiền Đồng Việt Nam tương ứng. Do đó số tiền này không được thống kê, cũng như theo dõi. Quá trình hội nhập càng

phát triển, số lượng du học sinh càng nhiều, người Việt Nam ra nước ngoài làm ăn tăng lên nhanh thì hoạt động thanh toán bù trừ tư nhân càng phát triển và nhà nước cũng không thể kiểm soát được.

Tổng quan về chính sách thu hút kiều hối

Cùng với tiến trình đổi mới kinh tế - xã hội của đất nước, hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, nhận thức và chính sách về kiều hối đã cởi mở hơn, nguồn tiền kiều hối được coi là nguồn lực để phát triển đất nước. Từ sau năm 1990, các quy định về kiều hối của Chính phủ Việt Nam đã thông thoáng hơn, tạo điều kiện thuận lợi cho người gửi tiền.

Năm 1999, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 170/1999/QĐ-TTg ngày 12/9/1999 khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài chuyển tiền về nước. Thực hiện quyết định đó, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) Việt Nam đã ban hành Thông tư số 02/2000/TT-NHNN7 ngày 24/2/2000 hướng dẫn thực hiện Quyết định 170 nói trên. Tiếp theo, từ tháng 6/2006, Pháp lệnh Ngoại hối của Việt Nam bắt đầu có hiệu lực đã tác động trực tiếp đến nguồn kiều hối như mở rộng đối tượng được vay vốn nước ngoài, bao gồm cả cá nhân. Việt kiều có thể chuyển tiền về nước cho người thân để đầu tư, kinh doanh dưới hình thức cho vay, cho mượn vốn kinh doanh.

Các văn bản nói trên cũng đã tạo hành lang pháp lý và quy định cụ thể cho hoạt động thu hút kiều hối được đẩy mạnh, như: cho phép nhận tiền mặt ngoại tệ hoặc mở tài khoản ngoại tệ tại NHTM. Khách hàng có thể mở tài khoản bằng các loại ngoại tệ mạnh, ngoại tệ tự do chuyển đổi. Phí chuyển tiền được quy định rõ ràng và ở mức rất thấp, chỉ là 0,05%/số tiền chuyển về. Quy định mới của Việt Nam cũng không hạn chế số ngoại tệ chuyển về. Người nhận kiều hối không phải chịu thuế thu nhập. Nhà nước cho phép nhiều tổ chức tham gia vào chuyển tiền kiều hối như bưu

điện, công ty làm dịch vụ chuyển tiền kiều hối và đặc biệt là các NHTM. Người nhận kiều hối không bắt buộc phải bán ngoại tệ cho NHTM theo tỷ giá quy định mà được nhận đúng loại ngoại tệ chuyển về, hoặc bán cho NHTM là quyền của họ....

Do tác động tích cực của chính sách nói trên, cùng với sự tăng trưởng của nền kinh tế, cơ hội đầu tư, làm ăn trong nước, các lĩnh vực kinh doanh mới phát triển. Quá trình cổ phần hoá DNNN được đẩy mạnh trong nhiều thời điểm, thị trường chứng khoán phát triển, thị trường cổ phiếu OTC cũng đi lên. Các NHTM và nhiều tổ chức tài chính khác tăng vốn điều lệ. Thị trường bất động sản liên tục tăng trưởng nóng trong nhiều thời điểm, tạo cơ hội đầu tư cho nhiều người có tiền, cho người Việt Nam ở nước ngoài chuyển tiền về đầu tư trong nước. Lĩnh vực kinh doanh nhà hàng, khách sạn, khu nghỉ dưỡng cao cấp, cơ sở du lịch,... cũng là những kênh đầu tư hấp dẫn cho người Việt Nam ở nước ngoài.

Về điều hành chính sách tiền tệ, lãi suất tiền gửi USD trong nước và nước ngoài trước năm 2012 chênh lệch lớn. Trong các năm 2005 - 2010, lãi suất tiền gửi USD ở Việt Nam lên tới 4,5 - 5,5%/năm, cao gấp khoảng 2 - 3 lần so với lãi suất tại các Ngân hàng ở Mỹ và nhiều nước khác. Lãi suất tiền gửi nội tệ cũng có sự chênh lệch khá so với lãi suất ngoại tệ tại NHTM trong nước. Lãi suất tiền gửi VND kỳ hạn 1 năm hiện nay lên tới 7,0% - 7,5%/năm, so với lãi suất tiền gửi USD là 0%/năm; trong khi đó tỷ giá VND/USD chỉ biến động 1-2%/năm trong 4 năm gần đây. Chính phủ chưa đánh thuế thu nhập người

hưởng lãi suất tiền gửi tiết kiệm.

Về phía người Việt Nam ở nước ngoài cũng thành đạt, làm ăn thành công và muốn chuyển một phần thu nhập, tài sản về nước....Số lượng người đi xuất khẩu lao động từ mức 80.000 người/năm trong các năm 2011-2014, lên 100.000 người năm 2015, dự báo đạt 130.000 người năm 2016 và 150.000 người năm 2017, đến năm 2020 sẽ lên tới trên 200.000. Thu nhập bình quân của người đi xuất khẩu lao động cũng tăng lên nhờ kinh nghiệm chuyên môn được nâng lên, trình độ tay nghề khá hơn, thị trường có thu nhập cao được mở rộng hơn, mức độ rủi ro giảm đáng kể so với trước đây. Bên cạnh đó là những người tự đi làm việc ở nước ngoài, người Việt Nam kết hôn với người nước ngoài, người đi du học sau đó tìm việc làm tại nước ngoài, người Việt Nam làm việc cho các dự án của doanh nghiệp trong nước đầu tư ra nước ngoài...cũng tăng khá.

Tổng quan kết quả thu hút kiều hối

Lượng kiều hối nói chung chuyển về Việt Nam đã tăng liên tục, từ 44 triệu USD năm 1997, lên 1,75 tỷ USD vào năm 2000, lên đến hơn 2,6 tỷ USD năm 2003 và tới 4 tỷ USD năm 2005 (tương đương trên 8%GDP, ngang với tổng vốn FDI đăng ký trong năm). Đến đầu những năm 2000, tính trung bình, một người Việt Nam ở nước ngoài gửi về nước khoảng 1000 USD một năm. Những dòng vốn này thật sự đã có những tác động to lớn đối với các cá nhân nhận tiền nói riêng cũng như sự phát triển của đất nước nói chung. Từ đó cho tới nay, lượng kiều hối chuyển về Việt Nam luôn luôn tăng với tốc độ ngày càng cao.

Đến năm 2006, lượng kiều hối

Bảng số 1: Lượng kiều hối vào Việt Nam giai đoạn 2002-2010

(Đơn vị: triệu USD)

Nguồn: NHNN Việt Nam

Năm	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010
GIÁ TRỊ	2154	2657	3200	3800	5200	6700	8000	7180	8160

có mức tăng trên 30% so với năm 2005, đạt 5,2 tỷ USD, năm 2007 đạt 6,7 tỷ USD, chiếm gần 10% GDP của Việt Nam. Đặc biệt lượng kiều hối đạt đỉnh 8 tỷ USD trong năm 2008, lớn gấp 180 lần năm 1991.

Năm 2009, lượng kiều hối chuyển về nước có sụt giảm do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính thế giới bắt nguồn từ Mỹ sau đó lan sang một loạt nước khác, tuy nhiên đến năm 2010, đã hồi phục trở lại cùng với sự hồi phục của kinh tế thế giới, số lượng người đi xuất khẩu lao động và người Việt Nam ra nước ngoài tiếp tục gia tăng. Do đó trong năm 2010, lượng kiều hối đạt mức kỷ lục mới và vượt so với dự kiến, đạt gần 8,2 tỷ USD...chỉ riêng con số chuyển về thành phố Hồ Chí Minh đạt 3,8 tỷ USD, tăng gần 20% so với cùng kỳ năm 2009. Cũng trong năm này, Việt Nam được Ngân hàng Thế giới xếp vào vị trí 16/20 nước tiếp nhận nguồn kiều hối lớn nhất thế giới, đứng thứ 2 ở Đông Nam Á, sau Philippines. Tính chung trong 20 năm (1990 - 2010), tổng lượng kiều hối gửi về Việt Nam đạt gần 65 tỷ USD, bằng 78% tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài giai đoạn 1998-2010, cao gấp 1,9 lần lượng vốn ODA được giải ngân từ 1993.

Năm 2010 và một số năm sau đó, mặc dù kinh tế toàn cầu nói chung vẫn còn suy thoái, lượng kiều hối đổ về Việt Nam vẫn tăng,

đạt 9,6 tỷ USD vào năm 2011; trên 10,5 tỷ USD vào năm 2012 và 11,2 tỷ USD vào năm 2013. Ngân hàng Thế giới đánh giá Việt Nam tiếp tục nằm trong top 10 nước nhận nhiều kiều hối lớn nhất, năm 2014 đạt 12 tỷ USD. Tuy nhiên lượng kiều hối này không tác động nhiều lắm vào nền kinh tế. Theo các chuyên gia, đại bộ phận kiều hối có thể chỉ rơi vào lĩnh vực sinh hoạt, như ăn học, thuốc men... và đặc biệt là trả nợ ngân hàng, tình hình bán lẻ cũng như sản xuất gần đây cho thấy lượng kiều hối này chưa thực sự phát huy được hiệu quả của nó.

Một số năm gần đây, Việt Nam đã nhận khoảng 14 tỷ USD kiều hối trong năm 2015, tăng trên 10% so với 12 tỷ USD năm 2014.

Những xu hướng kiều hối mới

Theo đánh giá của Tổ chức Western Union, với khoảng 4 triệu người đang làm việc, sinh sống và học tập ở 101 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, Việt Nam nằm trong số 16 thị trường nhận kiều hối nhiều nhất thế giới. Trái ngược với tình hình suy thoái kinh tế, lượng kiều hối do Western Union nhận ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương đã tăng 11%. Riêng tại Việt Nam kiều hối ổn định hơn một số nước trong khu vực vì công dân Việt Nam ở nước ngoài vẫn tiếp tục làm việc chăm chỉ để duy trì nguồn tài chính chuyển về cho gia đình. Vì

vậy, một phần quan trọng trong lượng kiều hối chuyển về Việt Nam là của đối tượng đi xuất khẩu lao động chủ yếu ở các quốc gia và vùng lãnh thổ như: Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản và Malaysia. Hiện nay có hơn 400.000 lao động Việt Nam đang làm việc ở nước ngoài, dự báo sẽ tăng lên 550.000 - 600.000 người vào năm 2020. Vì vậy, nguồn kiều hối từ đối tượng này được dự báo sẽ tăng ấn tượng trong những năm tới bởi ngoài số lượng lao động tăng thì người Việt Nam bắt đầu đảm nhận được các công việc kỹ thuật đòi hỏi tay nghề cao hơn, trình độ phức tạp hơn, nên có thu nhập bình quân cao hơn.

Một xu hướng khác về kiều hối cũng đã diễn ra trong thời gian qua, đó là lượng kiều hối gia tăng cao hơn về khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa nơi có nhiều người đi xuất khẩu lao động.

Ngoài ra, kiều hối về Việt Nam ngày càng được mở rộng từ nhiều nước. Nếu như năm 1994, khi mới vào Việt Nam, kiều hối chuyển về Việt Nam qua kênh Western Union chỉ từ 16 quốc gia thì hiện tại con số này đã lên đến 200 quốc gia và vùng lãnh thổ. Điều này có nghĩa ngày càng có nhiều người chuyển tiền về Việt Nam qua kênh chính thức. Tuy nhiên trong những năm gần đây, người Việt Nam ra nước ngoài du học, chữa bệnh, đầu tư mua nhà tăng... thì phương thức chuyển tiền bù trừ trực tiếp từ nhân có xu hướng tăng lên, tiền của người Việt Nam ở nước ngoài được chuyển thẳng vào tài khoản của người đi du học... ngược lại, tiền của người thân trong nước được gia đình có con em du học chuyển trực tiếp hay gián tiếp cho gia đình có người đang ở nước ngoài, tiền không được chuyển qua biên giới dù bằng cách này hay cách khác.

Một xu hướng khác cũng đáng quan tâm đó là kiều hối ngoài mục đích trợ cấp cho thân nhân, nhiều người còn chuyển tiền về Việt Nam làm ăn, đầu tư, chuyển thu nhập về



ẢNH: GIẢNG TUYẾN

Việt Nam đứng thứ 11 thế giới về lượng kiều hối trong năm 2015

nước. Bởi vì hiện nay việc làm ăn, đầu tư kinh doanh ở một số nước như Nga, châu Âu cực kỳ khó khăn nên nhiều người muốn chuyển vốn về nước làm ăn đầu tư. Trong thực tế tại một số NHTM Việt Nam vẫn chuyển những món tiền trị giá vài trăm nghìn USD. Những món tiền đó chắc chắn không phải để trợ cấp sinh hoạt cho người thân mà cho mục đích đầu tư. Bên cạnh đó, người đi xuất khẩu lao động, người đi làm ăn không có mục đích định cư lâu dài thì phải chuyển thu nhập về cho người thân trong nước. Đây là xu hướng của nguồn kiều hối, và đang tăng lên trong các năm gần đây.

Khuyến nghị hàm ý chính sách

Một là, Chính phủ cần có chính sách cụ thể, hiệu quả, phù hợp để tạo nguồn kiều hối ngày càng dồi dào, lâu dài, bền vững.

Nếu trước kia nguồn kiều hối chủ yếu từ các kiều bào, tức là những người định cư lâu dài tại nước ngoài, thì nay lại là những người Việt Nam đi ra nước ngoài làm việc, hay ở lại nước ngoài làm việc sau khi học tập và tu nghiệp xong. So với nhiều nước trong khu vực, nguồn kiều hối của Việt Nam còn rất khiêm tốn, bởi những quốc gia khác trong khu vực tham gia vào thị trường lao động quốc tế rất sớm và chuyên nghiệp.

Thống kê của Ngân hàng Thế giới (WB) cho thấy, cách đây 5 năm, vào năm 2011, các nước đang phát triển nhận được lượng kiều hối hơn 350 tỷ USD. Dẫn đầu danh sách các nước có lượng kiều hối cao là Ấn Độ với 58 tỷ USD, tiếp theo là Trung Quốc 57 tỷ USD, Mexico 24 tỷ USD và Philippines 23 tỷ USD. Ngoài ra, Pakistan, Bangladesh, Nigeria, Ai Cập, Lebanon và Việt Nam cũng là những quốc gia nhận được lượng kiều hối lớn. WB cho rằng kiều hối của Việt Nam năm 2011 đạt 9 tỷ USD, xếp thứ 16 trong số 30 nước có lượng kiều hối lớn trên thế giới.

Cũng theo số liệu của WB, 4 năm sau, vào năm 2015 cộng đồng

những người di cư trên toàn thế giới gửi về quê nhà tổng cộng 601 tỷ đô la USD, trong đó các nước đang phát triển nhận được 441 tỷ đô la Mỹ. Lượng kiều hối gửi về Việt Nam vào năm 2015 lên tới 14 tỷ USD. Trong tài liệu "Migration and remittances factbook 2016" về di cư và kiều hối của các quốc gia trên toàn cầu, WB cho biết xét trên quy mô toàn cầu, Việt Nam đứng thứ 11 thế giới về lượng kiều hối trong năm 2015. Còn xét ở khu vực Đông Á - Thái Bình Dương, Việt Nam đứng thứ 3 sau Trung Quốc và Philippines. Trong đó riêng kiều hối từ Mỹ về Việt Nam vào khoảng 7 tỷ đô la USD trong năm 2015, đứng thứ 9 toàn cầu.

Báo cáo cũng cho biết, kiều hối về Việt Nam đạt 12 tỷ đô la USD năm 2014, hơn 11 tỷ đô la USD năm 2013 và hơn 10 tỷ đô la USD năm 2012.

Như vậy trong 5 năm qua vị trí kiều hối của Việt Nam có nhiều thay đổi, từ thứ 16 vươn lên vị trí thứ 11, nguyên nhân do lượng người Việt Nam đi xuất khẩu lao động, đi làm việc ở nước ngoài gia tăng cao; tiếp đến thu nhập của người Việt Nam ở nước ngoài tăng khá; bên cạnh đó là các yếu tố của thị trường trong nước có sức hút về đầu tư, như: gửi ngân hàng có lãi suất hấp dẫn, đầu tư bất động sản.... Bởi vậy, giải pháp đầu tiên đó là Việt Nam cần nắm bắt cơ hội lớn hơn và tham gia tích cực hơn vào thị trường lao động quốc tế trong xu thế toàn cầu hóa về mặt kinh tế. Việt Nam cần gia tăng số lượng người đi xuất khẩu lao động, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đi xuất khẩu lao động, khuyến khích và thúc đẩy người Việt Nam đi làm ăn ở nước ngoài và những người Việt Nam học tập ở nước ngoài có cơ hội làm việc, tích lũy kinh nghiệm ở nước ngoài trước khi về làm việc tại quê nhà; cần khuyến khích các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài tại những nơi và những ngành nghề Việt Nam có thể khai thác được lợi thế.

Cần thấy một thực tế là, nếu như lao động xuất khẩu của Việt Nam đi chủ yếu là lao động phổ thông, làm việc trong các công trường xây dựng, thuyền viên trên các tàu đánh cá, công nhân dệt may, lắp ráp điện tử trong các nhà máy.... thì lao động Philippines phân bổ làm y tá, hộ lý trong các Bệnh viện và Viện dưỡng lão; giúp việc trong các gia đình khá giả ở khu vực Trung Đông.... Các điểm đến hàng đầu của người di cư Philippines là Saudi Arabia, các nước Trung Đông khác, Bắc Phi, Mỹ, Canada. Người di cư của Ấn Độ chủ yếu là các kỹ sư tin học, chuyên viên phần mềm, đến Mỹ, Anh.... Trong khi đó lao động Việt Nam chủ yếu đến các nước và vùng lãnh thổ trong khu vực: Malaysia, Đài Loan, Hàn Quốc, trong khi Nhật Bản, Đức và nhiều nước ở châu Âu.... có nhu cầu lớn lao động làm y tá, y sỹ, điều dưỡng viên, chăm sóc người già.... nhưng lao động Việt Nam không đáp ứng được... Rõ ràng là thu nhập của người lao động Philippines, Ấn Độ cao hơn hẳn Việt Nam. Do đó, Việt Nam cần giải quyết có hiệu quả vấn đề đào tạo từ đào tạo ngoại ngữ, đào tạo nghề, đào tạo chuyên môn kỹ thuật, tác phong lao động công nghiệp.... có như vậy thì mới đảm bảo tăng nguồn kiều hối một cách bền vững.

Mặt khác cần tiếp tục có chính sách mở rộng cho vay vốn đi xuất khẩu lao động và khuyến khích mọi thành phần kinh tế mở rộng thị trường xuất khẩu, địa bàn hoạt động kinh doanh ở cả trong và ngoài nước.

Hai là, khuyến khích, tạo sự năng động của các doanh nghiệp trong nước để tìm các cơ hội đầu tư ở nước ngoài, như các dự án về nông nghiệp, chế biến nông sản, dệt may, mở các trung tâm thương mại, đầu tư các dự án về viễn thông, xây dựng,... trên cơ sở đó di chuyển lao động trong nước đến làm việc tại các nước đó.

Hiện nay số lượng doanh

ngành Việt Nam đầu tư ra nước ngoài chưa nhiều. Lớn nhất là tập đoàn Viettel đầu tư vào nhiều thị trường mạo hiểm, tiếp đến là Tập đoàn Hoàng Anh - Gia Lai đầu tư sang Lào, Campuchia, Myanmar; tập đoàn TH True Milk đầu tư sang Nga, BIDV mở chi nhánh hay Ngân hàng liên doanh tại Myanmar, Lào, Campuchia.... Các doanh nghiệp này đã thu hút một số lượng nhất định người Việt Nam ra nước ngoài làm việc, chuyển tiền về nước. Nhìn chung số lao động và số tiền chuyển về còn rất khiêm tốn. Vì vậy, Chính phủ cần có cơ chế chính sách phù hợp khuyến khích doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài, xúc tiến đầu tư, miễn giảm thuế, nới lỏng quy định cho vay ngoại tệ.... Về phía doanh nghiệp cần năng động, chấp nhận rủi ro, mở rộng thị trường quốc tế trong hoạt động kinh doanh của mình.

Ba là, cần tạo điều kiện, khuyến khích người dân đi làm ăn, kinh doanh ở nước ngoài.

Trong xu hướng toàn cầu hóa, thực tế đã có nhiều người Việt Nam tự đi ra nước ngoài hoạt động trong các lĩnh vực như: ăn uống, dịch vụ, tàu biển, hàng không, du lịch, khách sạn, nhà hàng, bán hàng... kể cả các nước

láng giềng đến các nền kinh tế phát triển, nhất là khu vực Trung Đông, Bắc Á, Đông Âu.... Để xu hướng này phát triển mạnh hơn trước hết cũng cần đổi mới ở khâu đào tạo, dạy ngoại ngữ, kỹ năng làm ăn ở nước ngoài, có thể cả kênh tín dụng nhà nước.

Bốn là, quan điểm và nhận thức cần có sự thay đổi đối với người Việt Nam đi du học nước ngoài, không trở về phục vụ đất nước ngay.

Nếu như sau khi học xong, sinh viên Việt Nam tiếp tục ở lại nước ngoài làm việc có thu nhập cao hơn hẳn trong nước, gửi tiền về cho gia đình, đồng thời tích lũy kinh nghiệm, nâng cao tay nghề và trình độ chuyên môn thực tế, sau đó trở về đất nước làm việc rõ ràng là tốt hơn hẳn nếu như vừa tốt nghiệp xong về nước không xin được việc làm, hay làm việc không đúng chuyên môn, làm việc trong môi trường không phát huy được kiến thức. Quan điểm và nhận thức này cần thay đổi đối với cả những người đang là giảng viên trong các trường đại học được đi du học bằng ngân sách; hay những người trong cơ quan nhà nước, cơ quan chính phủ được đi du học bằng học bổng của Chính phủ nước ngoài....nếu họ ở lại nước

ngoài làm việc trong một khoảng thời gian do họ dự định, họ có thu nhập gửi về nước trả nợ dân phần kinh phí ngân sách, hay vài năm sau về làm việc tại nơi họ ra đi.... rõ ràng tốt hơn đứng trên góc độ phát triển kinh tế - xã hội.

Trong quá trình hội nhập, Việt Nam cũng cần hội nhập về thị trường lao động, nhiều người nước ngoài đến Việt Nam làm việc, nhưng cũng cần nhiều người Việt Nam ở lại nước ngoài làm việc hay ra nước ngoài làm việc.

Năm là, cần khắc phục tình trạng nhiều người Việt Nam bỏ trốn khi đang làm việc theo các hợp đồng lao động của doanh nghiệp với nước ngoài.

Nguyên nhân cơ bản và rõ ràng của hiện tượng lao động bỏ trốn, đó là thu nhập của họ nếu bỏ trốn ra ngoài cao hơn hẳn so với làm việc theo hợp đồng lao động. Lý do của nguyên nhân đó, cũng là do các Công ty xuất khẩu lao động trong nước thu của họ quá nhiều khoản phí, đóng góp; do mức tiền lương các công ty trong nước ký với doanh nghiệp nước ngoài thường ở mức thấp hơn so với mặt bằng chung. Khắc phục được tình trạng này sẽ giúp tăng được số lao động đến với các thị trường có nhu cầu cao về lao động Việt Nam như: Hàn Quốc, Đài Loan, Malaysia....

Kết luận

Gia tăng bền vững nguồn kiều hối là một giải pháp quan trọng phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Các chính sách cần phải tập trung và nâng cao khả năng hội nhập, nâng cao năng lực cạnh tranh thị trường lao động quốc tế, với đa dạng trình độ, lĩnh vực, khu vực địa lý. Tư duy về chính sách kiều hối, vì vậy cần phải được thay đổi theo hướng đó ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

<http://www.thesaigontimes.vn>
<http://www.worldbank.org/vi/country/vietnam>
<https://www.westernunion.com/cn/en/home.html>
www.sbv.gov.vn



Ảnh: BẢNG TUYÊN

Gia tăng bền vững nguồn kiều hối là một giải pháp quan trọng phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia đang phát triển, trong đó có Việt Nam.